

Số: /GPMT-UBND Sơn La, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

Xét Công văn số 40/CVGMS ngày 09/12/2025 của Công ty cổ phần gạch Mai Sơn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là bản Bon, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La) và Công văn số 41/CVGMS ngày 29/12/2025 của Công ty cổ phần gạch Mai Sơn về việc tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung, giải trình nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án Khai thác mỏ

đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là bản Bon, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1546/TTr-SNNMT ngày 29/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần gạch Mai Sơn (địa chỉ: Bản Bon, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là bản Bon, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La) với những nội dung sau:

1. Thông tin chung của chủ dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là bản Bon, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La).

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500554862 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 14/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/8/2022.

1.4. Mã số thuế: 5500554862.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác đất sét làm gạch, ngói.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Tổng diện tích của dự án: 4,08ha.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất hoạt động: Khai thác 30.000m³/năm đất sét ở thể tự nhiên (nguyên khối).

- Quy trình công nghệ khai thác:

+ Công nghệ khai thác: Khai thác bằng phương pháp lộ thiên, áp dụng hệ thống khai thác theo lớp bằng, vận tải trực tiếp kết hợp với lớp xiên, xúc chuyển.

+ Hệ thống khai thác lớp bằng, vận tải trực tiếp: Đất tại mỏ → cày xới bằng

máy xúc → xúc đổ lên ô tô → vận chuyển về bãi trữ.

+ Hệ thống khai thác lớp xiên, xúc chuyển: Đất tại mỏ → cày xới bằng máy xúc → xúc đổ xuống chân tuyến → xúc đổ lên ô tô → vận chuyển về bãi trữ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần gạch Mai Sơn

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần gạch Mai Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, CT;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND xã Chiềng Mung;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Công ty cổ phần gạch Mai Sơn;
- Lưu: VT, KT - Hiệu 16 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Phụ lục số 01**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

Nguồn số 01: Nước thải công nghiệp (hình thành từ nước mưa chảy tràn) qua khu vực khai thác.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

Dòng thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Rãnh thoát nước chung tại bản Bon, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La.

2.2. Vị trí xả nước thải

Dòng thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Rãnh thoát nước chung tại bản Bon, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La. Tọa độ vị trí xả nước thải: X=2348851; Y=506132 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104^0 , múi chiều 3^0). Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $467,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải công nghiệp hình thành từ nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác theo rãnh thoát nước thu về ao lắng sau đó xả thải ra môi trường (qua cống bê tông D300). Hình thức xả thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn (khi có mưa).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - Cột B, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2025/BTNMT - Cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	1 lần/năm (theo đề xuất của Chủ dự án)	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 80		
3	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20°C)	mg/L	≤ 60		
4	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 90		
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 40		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2025/BTNMT - Cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 14		
7	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 5		
8	Tổng Coliform	MNP/100mL	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Hệ thống rãnh thoát nước theo hình thức tự chảy từ khu vực khai trường, bãi xúc chân tuyến và tuyến đường công vụ chảy vào ao lắng. Rãnh thoát nước kích thước rộng mặt 1,0m×rộng đáy 0,4m×sâu 0,4m, kết cấu nền đất tự nhiên đầm chặt. Toàn bộ nước sẽ được thu gom về ao lắng (dung tích 1.890m³, kết cấu nền đất đầm chặt) để lắng trước khi thoát ra môi trường.

Thông số rãnh thoát nước mưa trong giai đoạn hoạt động

TT	Năm khai thác	Chiều dài rãnh thoát (m)	Ghi chú
1	Giai đoạn xây dựng cơ bản	53	Đã hoàn thành
2	Năm thứ 1	415,2	Tiếp tục thi công và tổ chức nghiệm thu trong các năm khai thác
3	Năm thứ 2	406,0	
4	Năm thứ 5	394,2	
5	Năm thứ 10	345,6	
6	Năm thứ 15	450,3	
7	Năm thứ 20	416,0	

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (nguồn số 01)

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải công nghiệp (hình thành từ nước mưa chảy tràn) → rãnh thu gom → ao lắng → tái sử dụng tưới ẩm hoặc chảy ra hệ thống thoát nước chung (một phần dẫn vào ao nước của Công ty cổ phần gạch Mai Sơn thuê để chứa nước phục vụ tưới ẩm, phần còn lại chảy ra rãnh thoát nước mưa chung của khu vực). Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp bão lũ gây tràn, sạt lở ao lắng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu.

- Thường xuyên giám sát theo dõi hoạt động của các rãnh thoát nước, ao lắng, để có biện pháp khắc phục kịp thời; định kỳ 01 lần/tháng tiến hành kiểm tra, nạo vét, khơi thông, hạn chế việc bùn đất, đá xâm nhập vào rãnh thoát nước, ao lắng gây tắc nghẽn, ú đọng nước, giảm thiểu việc lưu chứa nước của ao lắng.

- Lắp đặt biển báo nguy hiểm tại ao lắng nhằm hạn chế được sự tiếp xúc của người ngoài và gia súc.

- Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Tuyệt đối không được phép xả nước thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.3. Công ty cổ phần gạch Mai Sơn chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục số 02**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-UBND ngày / /
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của thiết bị, máy móc, phương tiện cơ giới trong quá trình khai thác và vận chuyển.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Khoảng thời gian			Ghi chú
	Ban ngày (06:00 ~ trước 18:00)	Tối (18:00 ~ trước 22:00)	Ban đêm (22:00 ~ trước 06:00)	
1	65dBA	60dBA	55dBA	Khu vực E

2.2. Độ rung

TT	Khoảng thời gian		Ghi chú
	Ngày (06 ^h 00 đến trước 22 ^h 00)	Đêm (22 ^h 00 đến trước 06 ^h 00)	
1	70dB	65dB	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị hoạt động tại mỏ đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Tiến hành chia ca, bố trí công trường làm việc vào ban ngày, hạn chế làm việc vào ban đêm để giảm ồn, giảm thiểu tác động tới sinh hoạt và giấc ngủ của nhân dân địa phương quanh vùng dự án.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho toàn bộ công nhân trên khai trường trong đó đặc biệt chú trọng trang bị các thiết bị chống ồn, khẩu trang, mũ bảo hộ lao động,...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh

tiếng ồn, độ rung; Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (*khi xuống cấp*) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục số 03**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Không phát sinh.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Rễ cây, cây bụi tái sinh phát quang khoảng 20kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Không phát sinh.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Không.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Được thu gom tận dụng làm nguyên liệu đun nấu.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa,

ứng phó sự cố chất thải tại dự án, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố, đặc biệt các sự cố liên quan đến cháy nổ, tai nạn lao động, an toàn giao thông,...

4. Tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản của UBND tỉnh Sơn La cấp về ranh giới, trữ lượng, công suất và độ sâu khai thác; trong quá trình khai thác đất sét phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi diễn biến đối với sạt lở bờ moong khai thác.

5. Trong trường hợp quá trình khai thác phát hiện hiện tượng sạt, lở tại khu vực khai thác, thì phải tạm dừng việc khai thác, đồng thời báo cáo ngay cho chính quyền địa phương và Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

6. Theo dõi mọi hiện tượng diễn biến về thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng để có biện pháp di chuyển toàn bộ máy móc ra khỏi khu vực khai thác khi xảy ra mưa lũ, gió bão.

7. Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục số 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**1. Cải tạo, phục hồi môi trường**

Tổng diện tích thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường 4,08ha.

2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án: ***“Tháo dỡ hệ thống phun sương dập bụi; san gạt khu vực mặt tầng bờ mỏ và đáy moong, bổ sung đất màu, trồng cây (Keo lá tràm), sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý”.***

Sau khi kết thúc khai thác khu vực khai trường có diện tích 40.800m² (trong đó: đáy mỏ có diện tích 24.292,4m², bờ mỏ có diện tích 16.507,6m²).

- Khu vực sườn tầng (bờ mỏ): Bờ mỏ có diện tích 16.507,6m² (trong đó mặt tầng có diện tích 5.098,2m² và các sườn tầng có diện tích 11.409,4m²). Khu vực sườn tầng trong quá trình khai thác đã tạo độ dốc an toàn theo thiết kế để cỏ mọc tự nhiên. Khu vực mặt tầng được san lấp bằng đất phủ dày 0,35m với khối lượng đất phủ 1.784,4m³ (khối lượng đất phủ được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy định), trồng cây Keo lá tràm với mật độ khoảng 1.667cây/ha, kích thước hố trồng cây 0,3x0,3x0,3m, tổng số cây cần trồng 848 cây.

- Khu vực đáy mỏ:

+ Tiến hành san lấp bằng đất phủ dày 0,35m với diện tích 24.292,4m², khối lượng đất phủ 8.502,3m³. Đối với ao lắng: Thực hiện san lấp vào cuối giai đoạn phục hồi môi trường, khối lượng đất san lấp 1.890m³. Tổng khối lượng đất phủ là 10.392,3m³ (khối lượng đất san lấp được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy định).

+ Trồng cây keo lá tràm trên toàn bộ khu vực đáy mỏ với mật độ khoảng 1.667cây/ha, kích thước hố trồng cây 0,3x0,3x0,3m, tổng số cây cần trồng 4.050 cây.

- Tháo dỡ hệ thống phun sương dập bụi.

- Xử lý chất thải phá dỡ theo đúng quy định.

- Nạo vét hệ thống thoát nước trên mặt bằng khu mỏ tần suất thực hiện 02 lần trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường.

- Đo vẽ địa hình hoàn thổ: Chủ dự án tiến hành đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình đối với diện tích các khu vực đã tiến hành cải tạo phục hồi môi trường của dự án với tổng diện tích 4,08 ha.

- Tiến độ thực hiện: Sau khi mỏ đất sét kết thúc quá trình khai thác sẽ tiến hành thực hiện phương án cải tạo phục hồi môi trường trong thời gian 03 tháng và

tiếp tục theo dõi chăm sóc cây trồng trong 02 năm tiếp theo. Sau phục hồi môi trường sẽ bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
1	Khu vực đáy moong			Sau khi kết thúc khai thác
-	Chi phí san gạt	100m ³	85,023	
-	Chi phí trồng cây	ha	2,42924	
-	Chi phí mua đất phủ	m ³	8.502,3	
-	Chi phí vận chuyển đất phủ	100m ³	103,92	
-	San gạt ao lắng	m ³	1.890	
2	Khu vực bờ mỏ			
-	Chi phí san gạt	100m ³	17,844	
-	Chi phí trồng cây	ha	0,50982	
-	Chi phí vận chuyển đất phủ	100m ³	17,844	
-	Chi phí mua đất phủ	m ³	1.784,4	
3	Tháo dỡ hệ thống phun sương dập bụi	Công	5	
4	Di chuyển máy móc	Công	5	
5	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/2.000	100ha	0,0408	

3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường **1.411.343.816 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm mười một triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm mười sáu đồng), số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Công ty cổ phần gạch Mai Sơn đã tiến hành ký quỹ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt với số tiền **211.701.572 đồng**.

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ: **1.199.642.244 đồng** (Một tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng), số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ còn lại 28 lần.

+ Số tiền ký quỹ các lần: **42.844.366 đồng** (Bốn mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng). Số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá, số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được Chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ. Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất cho vay của quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ: Phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm

ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Một số nội dung thay đổi so với hồ sơ trên được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước, phòng chống thiên tai và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực khai thác. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu của nước thải đến môi trường.

5. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản; thuê đất theo đúng các quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải, thay đổi công trình thu gom nước mưa và tổ chức nghiệm thu trong các năm khai thác*) hoặc đột xuất. Công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

8. Tiến hành trồng cây xung quanh các công trình công nghiệp, dọc các tuyến đường dân sinh cạnh dự án và khu đất trống nhằm tạo cảnh quan môi trường, hạn chế khả năng lan truyền bụi, rửa trôi và xói mòn do mưa bão và lũ quét.

9. Tuân thủ nghiêm ngặt các giải pháp kỹ thuật liên quan đến khai thác đất; tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn lao động, giao thông; vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ; sụt lún, trượt lở đất; phòng chống mưa bão và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Tăng cường việc theo dõi, giám sát thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường tại khu vực mỏ nhằm hạn chế các sự cố mất an toàn và môi trường có thể xảy ra; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các sự cố trên phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

10. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Giấy phép môi trường này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Giấy phép này là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

11. Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về công tác an toàn về khai thác mỏ lộ thiên và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh Sơn La và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước. Trường hợp quá trình khai thác, vận chuyển gây hư hỏng hạ tầng kỹ thuật, ảnh hưởng đến cuộc sống của cộng đồng dân cư, Chủ dự án phải bồi thường theo đúng quy định.

12. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

13. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.